ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 487/QĐ-ĐHNN

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 06 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Quyết định số 126/2004/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2019 - 2024;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về chơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-ĐHH ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế ban hành mức học bổng khuyến khích học tập năm hocj-2011 đối với sinh viên bậc đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-ĐHNN ngày 11 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc công nhận kết quả rèn luyện học kỳ I năm học 2021-2022;

Căn cứ Báo cáo số 26/BC-ĐT ngày 31 tháng 05 năm 2022 của Phòng Đào tạo về tình hình tổng hợp kết quả điểm thi học kỳ 1, năm học 2021-2022;

Căn cứ Thông báo ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc Quỹ học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm 2021-2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022 cho sinh viên đại học chính quy các khóa K15, K16, K17, K18 *(danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Sinh viên có tên ở Điều 1 được nhận số tiền học bổng khuyến khích học tập 05 tháng của học kỳ II năm học 2021-2022. Số tiền học bổng sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân tại ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) của sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng CTSV, Trưởng phòng KH,TC&CSVC, Trưởng các khoa liên quan và các sinh viên có tên Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Thị Hồng Nhung

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HK2 NĂM HỌC 2021-2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày /06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

KHỐI SƯ PHẠM

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
1	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18A	Phan Trần Bảo	Ngân	29/01/2003	21F7010045	109874776721	9,68	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
2	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18B	Lê Hoành Lam	Chi	14/04/2003	21F7010004	101874776731	9,56	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
3	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18B	Bùi Bảo	Ngọc	10/04/2003	21F7010058	107874779566	9,56	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
4	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18B	Lê Hồng	Phúc	28/07/2003	21F7010059	104874779557	9,54	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
5	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18A	Nguyễn Minh	Hương	26/03/2002	21F7010057	103874776727	9,40	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
6	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18A	R Mah H' I	Jôra	30/10/2003	21F7010016	104874779545	9,28	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
7	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18A	Nguyễn Ngọc Xuân	Trà	05/01/2003	21F7010039	101874779523	9,24	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
8	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18A	Trần Lê Thục	Nhi	02/02/2003	21F7010046	106874776724	9,24	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
9	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18A	Nguyễn Đức Nguyên	Thi	06/05/2003	21F7010184	100874779549	9,24	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
10	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18B	Trần Minh	Tâm	12/03/2003	21F7010031	106874779567	9,24	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
11	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18B	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	04/05/2003	21F7010040	107873621119	9,24	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
12	1	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK18B	Hồ Đăng Xuân	Ngọc	25/01/2003	21F7010063	100874779551	9,24	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
13	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17B	Nguyễn Quỳnh Trân	Châu	16/11/2002	20F7010004	106872690349	9,46	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
14	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17A	Huyền Tôn Nữ Thanh	Phương	05/06/2002	20F7010223	107872523518	9,37	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
15	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17A	Nguyễn Phan Vân	Anh	21/06/2002	20F7010001	103872212765	9,29	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
16	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17A	Trần Thị Tuyết	Trinh	05/01/2002	20F7010058	101872212782	9,26	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
17	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17A	Hoàng Uyên	Nhi	03/10/2002	20F7010032	100872212771	9,24	Xuất sắc	99	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
18	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17A	Đỗ Khánh	Anh	27/11/2002	20F7010154	106872523476	9,24	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
19	2	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK17C	Trần Thị Ngọc	Hân	16/06/2002	20F7010173	105872523491	9,24	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
20	3	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK16	Lê Khánh	Huyền	03/06/2001	19F7011016	107870515843	9,43	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
21	3	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK16	Huỳnh Nam	Nhật	07/09/2001	19F7011030	109870515853	9,24	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
22	3	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK16	Lê Hồng	Nhi	04/08/2001	19F7011031	108870515854	9,24	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
23	4	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK15	Nguyễn Quốc	Thạch	22/11/2000	18F7011028	109868693847	9,31	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
24	4	Sư phạm Tiếng Anh	ANH SPK15	Nguyễn Thị Hương	Liên	17/11/2000	18F7011013	104868890587	9,26	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
25	1	Sư phạm Tiếng Pháp	PHÁP SPK18	Nguyễn Y Bảo	Ngân	24/02/2003	21F7030001	101874776783	9,54	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
26	3	Sư phạm Tiếng Pháp	PHÁP SPK16	Nguyễn Thị Phước	Thảo	06/02/2001	19F7031004	107870516266	8,96	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
27	4	Sư phạm Tiếng Pháp	PHÁP SPK15	Hoàng Phương	Thảo	04/06/1999	18F7031005	106867429805	9,26	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
28	1	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK18	Trần Lê Bảo	Ngân	07/10/2003	21F7040022	100874751496	9,42	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
29	1	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK18	Nguyễn Thị	Duyên	19/04/2003	21F7040010	104874751492	9,07	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
30	1	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK18	Nguyễn Thị Hoài	Phương	01/11/2003	21F7040028	106874779133	9,07	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
31	2	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK17	Nguyễn Hồng	Minh	19/01/2001	20F7040054	105872523547	8,87	Giỏi	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
32	2	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK17	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	14/03/2002	20F7040060	103872523551	8,78	Giỏi	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
33	3	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK16	Võ Thị Thảo	Nhi	16/06/2001	19F7041021	104870516602	9,32	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
34	4	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK15	Nguyễn Thị Linh	Han	09/09/2000	18F7041007	102867947728	8,91	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
35	4	Sư phạm Tiếng Trung	TRUNG SPK15	Phạm Thị Thảo	Vân	02/10/2000	18F7041028	105868890629	8,61	Giỏi	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
Tổng															**251.125.000**

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HK2 NĂM HỌC 2021-2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày /06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

KHỐI NGÔN NGỮ

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
1	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18N	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/08/2003	21F7510450	104874779475	9,72	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
2	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18K	Lê Mai Bảo	Vy	02/01/2003	21F7510268	103874751084	9,42	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
3	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18G	Phạm Lê Minh	Anh	11/02/2003	21F7510329	107874750970	9,38	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
4	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18A	Nguyễn Phước Bảo	Nguyên	14/07/2001	21F7510708	100874779154	9,26	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
5	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18N	Châu Hoài	Trâm	23/08/2003	21F7510299	103874776715	9,18	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
6	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18F	Trần Hoàng Thanh	Tâm	01/10/2003	21F7510889	105874750957	9,16	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
7	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18A	Lê Thanh Cẩm	Ly	25/04/2003	21F7510620	100874750803	9,14	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
8	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18M	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	28/02/2003	21F7510395	107874751148	9,14	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
9	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18O	Nguyễn Đăng	Hiếu	20/04/2003	21F7510475	106874751190	9,14	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
10	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18L	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	12/04/2003	21F7510041	106874779419	9,10	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
11	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18F	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	09/07/2003	21F7510185	100874750940	9,06	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
12	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18H	Lê Thị Cẩm	Thúy	09/05/2003	21F7510281	103874751005	9,06	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
13	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18J	Bùi Hoàng	Anh	09/10/2003	21F7510018	105874779380	9,06	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
14	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18J	Bùi Thị	Hương	04/08/2003	21F7510504	102874779383	9,06	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
15	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18B	Huỳnh Thị	Mùi	03/03/2003	21F7510653	107874750846	9,04	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
16	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18N	Phan Thị	Phương	09/07/2003	21F7510821	107874751175	9,04	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
17	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18D	Lương Hà	Vy	28/07/2003	21F7511131	102874779247	9,00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
18	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18F	Đặng Hữu	Hiếu	04/12/1999	21F7510474	103874779285	9,00	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
19	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18K	Phan Thị Thanh	Nhàn	25/10/2002	21F7510721	106874751093	9,22	Xuất sắc	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
20	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18A	Huỳnh Thế	Hưng	15/05/2003	21F7510499	101874750802	9,20	Xuất sắc	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
21	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18B	Trương Phước Chân	Nhân	19/08/2003	21F7510723	106874750847	9,12	Xuất sắc	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
22	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18E	Đặng Thành	Hiếu	22/12/2003	21F7510473	105874779268	9,12	Xuất sắc	81	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
23	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18F	Huỳnh Thế Minh	Quý	27/03/2003	21F7510833	108874750954	9,12	Xuất sắc	80	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
24	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18D	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/02/2003	21F7510224	105874750887	9,06	Xuất sắc	82	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
25	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18N	Nguyễn Minh	Nhật	04/12/2002	21F7510132	107874776708	9,06	Xuất sắc	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
26	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18E	Trần Hữu	Quý	29/04/2003	21F7510832	101874750924	9,04	Xuất sắc	84	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
27	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18K	Phan Bạch Nguyên	Huyền	13/07/2003	21F7510522	102874779400	9,04	Xuất sắc	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
28	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18L	Dương Thị Thanh	Nhàn	29/04/2003	21F7510720	104874751126	9,02	Xuất sắc	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
29	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18M	Trần Xuân Minh	Đức	22/07/2003	21F7510405	106874751149	9,02	Xuất sắc	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
30	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18D	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	11/08/2003	21F7510010	107874750873	9,00	Xuất sắc	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
31	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18D	Phạm Ngọc Ý	Nhi	28/09/2003	21F7510137	105874750875	9,00	Xuất sắc	81	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
32	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18E	Tôn Nữ Thuỷ	Tiên	03/06/2003	21F7510981	102874779274	9,00	Xuất sắc	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
33	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18G	Nguyễn Thị Thu	Thúy	07/12/2003	21F7510969	102874779329	9,00	Xuất sắc	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
34	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18M	Lê Gia	Hân	23/12/2003	21F7510451	107874779432	9,00	Xuất sắc	80	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
35	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18B	Trần Quốc	Anh	26/06/2002	21F7510291	107874750833	8,98	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
36	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18J	Phạm Thị Minh	Tâm	29/06/2003	21F7510190	103874776702	8,98	Giỏi	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
37	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18J	Đoàn Hoàng Quỳnh	Chi	27/04/2003	21F7510371	107874751053	8,98	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
38	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18A	Vũ Nguyễn Uyên	Thi	18/04/2003	21F7510933	104874750812	8,96	Giỏi	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
39	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18E	Trương Thị Thanh	Hương	14/12/2003	21F7510514	101874779275	8,96	Giỏi	85	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
40	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18M	Nguyễn Thị	Thương	08/06/2003	21F7510960	101874779441	8,92	Giỏi	91	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
41	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18N	Lê Nguyễn Hoàng	Uyên	25/03/2003	21F7510253	102874776716	8,92	Giỏi	91	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
42	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18C	Trần Thị	Liễu	25/06/2003	21F7510081	107874750858	8,90	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
43	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18J	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh	28/04/2003	21F7510183	104874776701	8,90	Giỏi	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
44	1	Ngôn ngữ Anh	ANH K18M	Hồ Lê Nhật	Kha	10/10/2003	21F7510074	105874751140	8,90	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
45	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17C	Phạm Hữu	Phước	12/12/2002	20F7510303	107872212568	9,37	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
46	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17N	Hồ Phú Nhật	Anh	06/05/2002	20F7510558	103872522537	9,31	Xuất sắc	100	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
47	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17J	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	18/10/2002	20F7510014	108872212691	9,27	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
48	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17A	Tôn Nữ Thùy	Nhiên	27/10/2002	20F7510983	109872522798	9,21	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
49	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17E	Lê Anh	Quân	13/06/2002	20F7511051	104872690295	9,21	Xuất sắc	99	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
50	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17B	Đào Xuân	Lộc	05/10/2002	20F7510834	107872522712	9,20	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
51	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17F	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	09/06/2002	20F7510296	102872212590	9,19	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
52	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Nguyễn Thanh	Huyền	01/01/2002	20F7510141	107872212678	9,19	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
53	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17K	Mai Thị	Ánh	15/11/2002	20F7510559	108872522557	9,16	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
54	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17G	Lê Kim	Hậu	07/09/2002	20F7510693	104872522633	9,14	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
55	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17M	Đinh Thị Nhật	Minh	18/12/2002	20F7510864	103872522728	9,14	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
56	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17L	Hồ Thúy Phương	Anh	01/05/2002	20F7510022	101869333128	9,13	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
57	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17H	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	23/02/2002	20F7510932	103872522770	9,11	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
58	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Hoàng Anh Uyển	Nhi	06/01/2002	20F7510276	106872212681	9,11	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
59	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Bùi Diễm Quỳnh	Châu	31/05/2002	20F7510499	102872212673	9,11	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
60	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17L	Nguyễn Thị Thanh	Phương	05/11/2002	20F7510311	103872212738	9,10	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
61	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17C	Đinh Trần Hiếu	Kiên	12/10/2002	20F7510776	108872522681	9,09	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
62	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17D	Đoàn Đức	Hào	15/08/2001	20F7510094	109872212579	9,06	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
63	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17H	Đặng Phan Nhật	Quỳnh	24/09/2002	20F7510333	109872212663	9,06	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
64	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	23/04/2002	20F7510072	101872212674	9,03	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
65	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17L	Dương Chính	Trung	23/12/2002	20F7511251	102872522948	9,03	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
66	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17B	Ngô Thị Mỹ	Lộc	06/05/2002	20F7510199	103872212550	9,02	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
67	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17D	Trần Nguyễn Diệu	Linh	21/08/2002	20F7510192	105872212585	9,01	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
68	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Nguyễn Thị Tú	Trinh	16/01/2002	20F7510433	108872212689	9,01	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
69	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17J	Mai Anh	Huy	25/06/2001	20F7510139	102872212697	9,00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
70	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17M	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/11/2002	20F7510236	102872212754	9,00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
71	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Lê Duy Khánh	Linh	01/05/2002	20F7510178	106872212679	8,99	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
72	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17J	Nguyễn Thị Minh	Chính	13/06/2002	20F7510589	104872522576	8,99	Giỏi	96	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
73	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17O	Nguyễn Khánh	Ly	20/11/2002	20F7510843	102872522717	8,99	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
74	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17F	Trần Thị Như	Hoài	19/12/2000	20F7510120	100870418825	8,97	Giỏi	90	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
75	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17K	Đỗ Thị Minh	Châu	06/01/2002	20F7510037	105872212709	8,97	Giỏi	93	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
76	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17I	Võ Đoàn Đồng	Tâm	12/01/2002	20F7510343	102872212685	8,96	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
77	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17L	Trương Nguyễn Ý	Nhi	10/03/2002	20F7510284	100872212756	8,96	Giỏi	96	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
78	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17F	Nguyễn Thị Huyền	Diệp	23/12/2002	20F7510052	104872212617	8,93	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
79	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17J	Nguyễn Thụy Mỹ	Tiên	28/03/2002	20F7510508	109872212705	8,93	Giỏi	93	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
80	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17K	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	02/10/2002	20F7510098	105872212712	8,93	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
81	2	Ngôn ngữ Anh	ANH K17M	Hồ Hoàng Liên	Sơn	29/04/2002	20F7511085	109872522856	8,93	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
82	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16E	Nguyễn Văn	Hiên	24/09/2001	19F7511137	100870978101	9,53	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
83	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16B	Nguyễn Ngọc	Hưng	22/04/2001	19F7511167	103870515329	9,36	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
84	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16G	Ngô Văn Minh	Đức	11/08/2001	19F7511073	105870515532	9,33	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
85	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16L	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	22/02/2001	19F7511534	104870515736	9,23	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
86	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16M	Nguyễn Phước Mỹ	Tiên	17/03/2001	19F7511573	108870515772	9,22	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
87	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16H	Nguyễn Thị Thảo	Trang	07/02/2001	19F7511608	100870515591	9,17	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
88	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16C	Nguyễn Thị	Phúc	04/07/2001	19F7511433	102870515396	9,16	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
89	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16B	Hồ Xuân Bích	Hân	15/09/2001	19F7511115	106870931493	9,15	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
90	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16C	Hồ Thị Minh	Ngọc	31/10/2001	19F7511329	109870515387	9,13	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
91	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16N	Lê Kiều Lam	Vy	03/08/2001	19F7511667	102870515823	9,11	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
92	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16F	Lê Thị Tú	Oanh	01/06/2001	19F7511424	109870515514	9,10	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
93	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16K	Nguyễn Hữu Nhật	Tân	21/10/2001	19F7511486	101870515697	9,10	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
94	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16F	Đào Hoàng	Long	06/12/2001	19F7511254	107870515503	9,09	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
95	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16M	Huỳnh Lê Uyển	Nhi	13/02/2001	19F7511365	102870515765	9,09	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
96	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16B	Lê Uyển	Nhi	16/09/2001	19F7511368	109870515350	9,08	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
97	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16E	Hồ Thị Phương	Oanh	16/07/2001	19F7511423	108870515484	9,08	Xuất sắc	100	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
98	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16G	Phan Thị Thảo	Duyên	11/03/2001	19F7511087	101870415990	9,08	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
99	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16M	Nguyễn Đức	Vinh	23/03/2001	19F7511662	105870515787	9,07	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
100	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16H	Nguyễn Thanh Xuân	Quỳnh	29/05/2001	19F7511471	102870515575	9,06	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
101	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16L	Nguyễn Như	Thuần	10/06/2001	19F7511546	102870515738	9,06	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
102	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16K	Trần Như Hiếu	Minh	27/08/2001	19F7511285	107870515691	9,04	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
103	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16B	Trần Nguyên	Bình	23/07/2001	19F7511037	102870515318	9,03	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
104	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16H	Tống Hồ Mạnh	Quân	07/09/2001	19F7511452	103870515574	9,03	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
105	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16L	Tống Thị Thùy	Trang	23/12/2001	19F7511612	107870515746	9,01	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
106	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16C	Lê Thị Kiều	Mỹ	24/04/2001	19F7511303	103870931496	9,00	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
107	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16F	Nguyễn Thị	Thu	21/01/2001	19F7511528	104870515521	9,00	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
108	3	Ngôn ngữ Anh	ANH K16J	Nguyễn Phúc Linh	Chi	09/11/2001	19F7511050	109870515635	9,04	Xuất sắc	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
109	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15L	Hà Hương	Trà	21/10/2000	18F7511600	104868891016	9,21	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
110	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15H	Nguyễn Lê Linh	Giang	15/11/2000	18F7511092	109867905787	9,19	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
111	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15A	Lê Thị Hồng	Phúc	05/03/2000	18F7511445	104869262535	9,18	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
112	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15C	Hoàng Thị Thảo	Trinh	25/06/2000	18F7511615	104868890726	9,18	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
113	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15K	Trương Mỹ	Huyền	10/01/2000	18F7511179	105868890968	9,18	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
114	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15I	Huỳnh Thị Phương	Thanh	10/12/2000	18F7511489	106868890916	9,16	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
115	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15E	Hồ Thị Ngọc	ánh	01/03/2000	18F7511029	108869322324	9,15	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
116	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15D	Nguyễn Thanh	Ngân	28/02/2000	18F7511328	101868890744	9,14	Xuất sắc	99	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
117	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15K	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/10/2000	18F7511515	103868377993	9,14	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
118	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15H	Trần Cẩm	Lân	21/10/2000	18F7511224	109868890870	9,11	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
119	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15B	Trần Hồ Ngọc	Bảo	23/03/2000	18F7511038	101869262538	9,08	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
120	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15F	Đỗ Thị	Lài	28/08/2000	18F7511222	102868890800	9,08	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
121	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15K	Nguyễn Thị Phương	Khanh	21/04/2000	18F7511203	100869637713	9,08	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
122	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15A	Hoàng Thị Thu	Uyên	17/02/2000	18F7511637	102868314805	9,07	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
123	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15H	Trương Như Hà	Phương	14/09/2000	18F7511464	106868890885	9,07	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
124	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15J	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	25/04/2000	18F7511646	105868890956	9,07	Xuất sắc	100	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
125	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15L	Dương Thị Đoan	Trang	16/09/2000	18F7511576	106868891014	9,07	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
126	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15A	Trần Thị Uyên	Thi	01-05-2000	18F7511529	103869262536	9,06	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
127	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15B	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23-05-2000	18F7511590	100868890688	9,06	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
128	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15D	Trần Thị Quỳnh	Nhi	30/10/2000	18F7511388	108868890747	9,03	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
129	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15A	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26-05-2000	18F7511517	103868890660	9,02	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
130	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15C	Đậu Thúy	Quỳnh	02/12/2000	18F7511471	100868890718	9,02	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
131	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15I	Lê Thị Ly	Ly	02/01/2000	18F7511273	101868890908	9,02	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
132	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15K	Võ Thị Thùy	Dung	24-03-2000	18F7511071	102868890961	9,02	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
133	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15F	Hoàng Hương	Giang	20/04/2000	18F7511090	103868890793	9,01	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
134	4	Ngôn ngữ Anh	ANH K15J	Nguyễn Hồng	Châu	18/04/2000	18F7511046	106868890928	9,01	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
135	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18C	Nguyễn Lê Khả	Trân	27/10/2003	21F7560037	108874776759	9,80	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
136	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18D	Lê Ngọc Phương	Thảo	21/10/2003	21F7560048	104874776765	9,73	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
137	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18B	Hồ Thị Thảo	Tiên	16/09/2003	21F7560036	105874776752	9,55	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
138	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18B	Nguyễn Lê Thảo	Hòa	19/08/2003	21F7560012	108874776747	9,50	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
139	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18B	Trần Thị Anh	Thi	17/02/2003	21F7560237	103874751288	9,32	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
140	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18C	Đào Thị Thanh	Huyền	10/04/2001	21F7560014	106874778653	9,32	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
141	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18A	Đặng Thị Kim	Thanh	10/04/2003	21F7560226	107874751269	9,28	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
142	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18C	Võ Thị Hoài	Thao	04/03/2003	21F7560032	109874776758	9,28	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
143	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18B	Lê Thị Yến	Nhi	13/05/2003	21F7560024	107874776750	9,27	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
144	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18C	Phan Đỗ Ngân	Hà	13/04/2003	21F7560044	102874776755	9,27	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
145	1	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K18C	Trần Thị Quỳnh	Dư	11/12/2003	21F7560073	109874751294	9,25	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
146	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17B	Phạm Thị Thủy	Ngân	24/01/2002	20F7560145	102872686672	9,39	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
147	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17C	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/12/2002	20F7560314	106872523081	9,30	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
148	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17C	Trần Thị	Nga	21/09/2001	20F7560144	106872690445	9,23	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
149	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17B	Đường Thị Thùy	Trang	30/10/2002	20F7560095	100872212838	9,21	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
150	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17B	Võ Văn	Anh	25/06/2001	20F7560005	101870262485	9,18	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
151	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17A	Nguyễn Thị Thanh	Hải	11/05/2002	20F7560211	103872523020	9,17	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
152	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17D	Nguyễn Thị Phương	Thuận	02/09/2002	20F7560303	101872523074	9,16	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
153	2	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K17C	Nguyễn Thái Thanh	Huyền	01/03/2001	20F7560025	105870931537	9,15	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
154	3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K16B	Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	16/10/2001	19F7561032	106870515926	9,38	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
155	3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K16A	Nguyễn Thị Mai	Thi	10/09/2000	19F7561097	100870515910	9,36	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
156	3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K16B	Võ Thị Như	ý	29/02/2000	18F7561123	105868891533	9,30	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
157	3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K16A	Nguyễn Thùy	Ngân	19/11/2001	19F7561067	106870515901	9,27	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
158	3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K16C	Hồ Ngọc Minh	Hiền	20/07/2000	18F7561031	108868891460	9,27	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
159	3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K16C	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	19/08/2000	18F7561084	109868891527	9,27	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
160	4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K15B	Võ Tuấn	Long	06/11/1999	18F7561056	103868891492	9,66	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
161	4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K15C	Châu Minh	Thiện	29/01/2000	18F7561090	101869262731	9,52	Xuất sắc	98	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
162	4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K15A	Lê Thị Thúy	Hòa	19/04/2000	18F7561040	106868891462	9,30	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
163	4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K15B	Nguyễn Thị Hoài	Thu	11/12/2000	18F7561092	101868891500	9,28	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
164	4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	HÀN K15C	Nguyễn Thúy	Ngọc	08/04/2000	18F7561063	101868050523	9,28	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
165	1	Ngôn ngữ Nga	NGA K18	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	29/06/2003	21F7520015	105874778572	8,83	Giỏi	85	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
166	2	Ngôn ngữ Nga	NGA K17	Trần Nữ Minh	Tú	13/04/2000	20F7520013	106868890819	8,60	Giỏi	96	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
167	3	Ngôn ngữ Nga	NGA K16	Trần Thị Hồng	Thảo	05/10/2001	19F7521040	107870516008	8,81	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
168	4	Ngôn ngữ Nga	NGA K15	Nguyễn Thị Hoài	Hạnh	03/12/2000	18F7521009	109868891023	9,26	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
169	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18A	Nguyễn Thị	Huyền	17/07/2001	21F7550023	108874778718	9,48	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
170	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18C	Dương Minh	Khánh	29/04/2003	21F7550092	106874776833	9,47	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
171	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18B	Bùi Quang	Diễn	29/07/2003	21F7550090	107874776820	9,42	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
172	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18B	Võ Thị Minh	Tâm	29/03/2003	21F7550095	102874776825	9,40	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
173	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18E	Lê Hoàng Việt	Anh	22/08/2003	21F7550007	109874776855	9,32	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
174	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18C	Lê Trịnh Bích	Du	02/03/2003	21F7550135	103874751346	9,27	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
175	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18B	Nguyễn Phạm Từ	Minh	25/10/2003	21F7550093	109874778744	9,25	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
176	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18E	Nguyễn Tiểu Long	Vân	19/11/2003	21F7550098	103874776863	9,12	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
177	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18D	Lê Văn	Ty	12/06/2003	21F7550079	105874778799	9,08	Xuất sắc	100	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
178	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18E	Trà Thị Diễm	My	16/07/2003	21F7550215	103874778834	9,05	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
179	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18A	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	20/12/2003	21F7550231	106874751330	9,45	Xuất sắc	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
180	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18F	Nguyễn Thị Thảo	Vân	29/07/2003	21F7550373	101874778849	9,40	Xuất sắc	84	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
181	1	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K18C	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	25/04/2003	21F7550230	101874751348	9,35	Xuất sắc	85	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
182	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17A	Lê Thị Thùy	Trâm	12/07/1998	20F7550178	107872782352	9,17	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
183	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17E	Phạm Hoàng Cát	Tiên	08/05/2002	20F7550142	108872212940	8,97	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
184	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17B	Hồ Thị Mỹ	Ngọc	12/05/2002	20F7550165	108872085390	8,96	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
185	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17B	Võ Thị	Tám	13/01/2002	20F7550116	102872212890	8,89	Giỏi	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
186	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17A	Lê Hữu	Trường	12/05/2002	20F7550382	106872523206	8,84	Giỏi	91	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
187	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17C	Dương Thị Phương	Dung	04/08/2002	20F7550207	108872523107	8,82	Giỏi	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
188	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17C	Nguyễn Ngọc	Mỹ	24/10/2002	20F7550280	106872523151	8,82	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
189	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17D	Nguyễn Thị Kiều	Loan	20/05/2002	20F7550058	107872212914	8,77	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
190	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17E	Lê Thị Trà	My	01/02/2002	20F7550070	102872212933	8,73	Giỏi	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
191	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17E	Lê Thị Mỷ	Duyên	08/03/2002	20F7550020	107872212926	8,72	Giỏi	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
192	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17F	Nguyễn Lê Vĩnh	Phương	26/08/2002	20F7550309	100872523169	8,71	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
193	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17D	Đỗ Lê Triệu	Mẫn	21/02/2002	20F7550062	106872212915	8,70	Giỏi	96	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
194	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17F	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/08/2002	20F7550211	107872523108	8,70	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
195	2	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K17B	Phạm Tôn Hoàng	Yến	30/01/2002	20F7550400	109872690439	8,67	Giỏi	82	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
196	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16B	Trương Mỹ	Duyên	22/08/2001	19F7551037	103870516054	9,14	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
197	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16C	Đỗ Anh	Thư	01/08/2001	19F7551183	107870516120	9,14	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
198	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16E	Nguyễn Thị Khánh	Châu	06/10/2001	19F7551025	109870516167	9,10	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
199	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16B	Hoàng Đình Quốc	Cường	02/08/2001	19F7551027	105870931540	9,00	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
200	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16C	Phạm Thị Ngọc	Trâm	19/06/2001	19F7551208	104870516123	9,07	Xuất sắc	84	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
201	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16A	Hồ Thị Như	Hoàng	16/11/2001	19F7551061	107870516023	8,96	Giỏi	91	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
202	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16E	Ngô Thị Hoài	Thư	29/08/2001	19F7551185	106870516197	8,96	Giỏi	90	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
203	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16E	Lê Thị Thanh	Nhàn	24/08/2001	19F7551125	104870516187	8,92	Giỏi	90	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
204	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16E	Hà Ngọc Vĩnh	Hiệu	16/03/2001	19F7551060	104870516175	8,88	Giỏi	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
205	3	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K16E	Nguyễn Văn	Quang	18/11/2001	19F7551165	109870516194	8,88	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
206	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15E	Nguyễn Thị Hiền	Anh	10/12/2000	18F7551005	105868891424	9,35	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
207	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15D	Phan Thị Ngọc	Lan	29/03/2000	18F7551084	101868891398	9,11	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
208	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15C	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	04/03/2000	18F7551123	109868891376	9,09	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
209	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15E	Lê Thị Hồng	Châu	25/01/2000	18F7551015	103868891426	9,06	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
210	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15B	Trần Nguyễn Bảo	Vân	29/05/2000	18F7551227	100868182795	9,04	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
211	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15D	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	24/09/2000	18F7551149	106868891408	9,04	Xuất sắc	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
212	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15D	Phan Nguyễn Thanh	Nhàn	21/08/2000	18F7551129	109868891405	9,02	Xuất sắc	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
213	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15D	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	12/11/2000	18F7551119	101868891403	8,97	Giỏi	93	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
214	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15A	Lê Thị Từ	Vy	28-05-2000	18F7551231	108868891325	8,92	Giỏi	85	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
215	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15B	Nguyễn Hữu	Tiến	31/05/2000	18F7551202	102868891358	8,92	Giỏi	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
216	4	Ngôn ngữ Nhật	NHẬT K15E	Võ Thị	Loan	15/11/2000	18F7551100	105868891436	8,91	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
217	1	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K18	Nguyễn Phan Ánh	Kim	17/08/2003	21F7530029	105874751400	9,66	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
218	1	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K18	Trần Lê Vân	Thư	06/08/2003	21F7530006	107874776775	9,60	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
219	2	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K17	Hoàng Lâm	Uy	21/10/2001	20F7530207	100872523242	8,60	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
220	2	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K17	Nguyễn Thị	Hiếu	26/10/2002	20F7530177	106872523221	8,51	Giỏi	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
221	3	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K16A	Phan Thị Hoài	Trinh	30/04/2001	19F7531073	104870516232	9,15	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
222	3	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K16B	Hồ Thị Tường	Vy	20/06/2001	19F7531082	102870516259	8,98	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
223	3	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K16A	Trương Đức	Vinh	01/01/2001	19F7531081	102870516234	8,95	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
224	4	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K15A	Nguyễn Đức Minh	Hoàng	27/05/2000	18F7531017	106868891041	9,85	Xuất sắc	100	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
225	4	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K15B	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30/09/2000	18F7531066	101868891073	9,79	Xuất sắc	99	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
226	4	Ngôn ngữ Pháp	PHÁP K15A	Nguyễn Thị	Hồng	24/03/2000	18F7531019	105868891042	9,60	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
227	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18F	Trần Thụy	Khang	16/01/2003	21F7540262	104874751465	9,65	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
228	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18A	Lê Minh	Quân	17/03/2003	21F7540087	109874778878	9,58	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
229	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18A	Nguyễn Lê Khánh	Trang	05/11/2003	21F7540450	108874751434	9,53	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
230	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18F	Phan Thị Thanh	Nhã	21/12/2003	21F7540339	102874751470	9,52	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
231	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18E	Trần Thị	Thúy	06/02/2002	21F7540103	101874779031	9,45	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
232	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18F	Nguyễn Nguyên	Quỳnh	13/01/2003	21F7540388	101874751471	9,38	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
233	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18B	Trần Thị	Hằng	14/06/2003	21F7540023	101874778933	9,37	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
234	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18G	Nguyễn Thị Hoài	An	04/11/2003	21F7540145	106874779088	9,37	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
235	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18E	Hồ Thị Mi	Sa	11/05/2003	21F7540094	101874776911	9,35	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
236	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18A	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28/05/2003	21F7540030	107874778882	9,32	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
237	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18D	Trần Thị Như	Ý	23/12/2003	21F7540126	100874778986	9,32	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
238	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18D	Nguyễn Thị	Thơm	14/10/2003	21F7540421	101874778997	9,32	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
239	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18A	Ngô Thị	Lành	25/08/2003	21F7540133	108874776871	9,27	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
240	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18C	Hoàng Thị Mỹ	Linh	19/08/2003	21F7540140	108874778963	9,27	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
241	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18G	Lê Thị Diệu	Linh	01/01/2003	21F7540286	100874751484	9,27	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
242	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18C	Ngô Thị Hoài	Linh	26/06/2003	21F7540053	101874778946	9,25	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
243	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18B	Phạm Thị Ngọc	Liễu	15/01/2003	21F7540134	101874776880	9,23	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
244	1	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K18F	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/09/2003	21F7540019	103874779066	9,22	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
245	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17D	Lê Văn	Nhân	06/07/2002	20F7540113	109872213022	9,43	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
246	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17A	Mai Thị	Oanh	16/08/2002	20F7540131	100872212975	9,42	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
247	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17A	Võ Thị	Luyến	10/06/2002	20F7540081	105872779682	9,35	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
248	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17B	Hồ Thị Thu	Thảo	24/05/2002	20F7540152	108872212991	9,35	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
249	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17G	Phạm Thị	Mai	23/03/2002	20F7540367	107872523339	9,27	Xuất sắc	97	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
250	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17C	Phan Thị Quỳnh	Trâm	03/12/2002	20F7540172	108872213011	9,26	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
251	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17A	Võ Thị Mỹ	Châu	16/07/2002	20F7540237	101872523253	9,25	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
252	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17E	Võ Nguyễn Tú	Oanh	28/11/2002	20F7540130	104872636198	9,24	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
253	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17E	Tạ Thị Hoài	Thu	05/05/2002	20F7540164	102872213044	9,23	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
254	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17A	Phan Thị	Minh	10/10/2002	20F7540212	105872212970	9,21	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
255	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17E	Hoàng Thị Mai	Lê	17/03/2002	20F7540070	105872636197	9,19	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
256	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17C	Nguyễn Thanh	Phúc	21/02/2002	20F7540133	107872213009	9,18	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
257	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17B	Võ Thị	Tuyến	10/03/2001	20F7540186	105872212994	9,15	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
258	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17E	Hoàng Bảo	Ngọc	19/01/2002	20F7540403	107872523354	9,12	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
259	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17G	Nguyễn Thị Mỹ	Hoàng	09/11/2002	20F7540313	108872523301	9,12	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
260	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17A	Sầm Thị	Toan	05/03/2002	20F7540170	100872636192	9,10	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
261	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K17D	Nguyễn Thị	Hà	20/08/2000	20F7540034	102872213017	9,10	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
262	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16C	Ngô Hoàng	Hà	13/06/2001	19F7541047	100870516415	9,36	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
263	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16B	Trần Phương	Nhi	10/08/2001	19F7541170	100870516397	9,30	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
264	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16B	Nguyễn Khánh	Linh	23/07/2001	19F7541110	102870516383	9,22	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
265	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16C	Nguyễn Thị Phi	Nhung	20/10/2001	19F7541179	101870516441	9,16	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
266	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16E	Nguyễn Thị Minh	Thư	07/12/2001	19F7541237	106870516503	9,16	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
267	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16A	Trương Thị	Lý	18/09/2001	19F7541121	105870516341	9,15	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
268	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16A	Nguyễn Thị	Giang	01/09/2000	18F7541047	109869262677	9,13	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
269	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16F	Nguyễn Thị	Tâm	16/10/2001	19F7541219	107870516542	9,13	Xuất sắc	98	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
270	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16A	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	15/04/2001	19F7541049	103870516328	9,12	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
271	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16C	Đậu Thị Kim	Oanh	24/09/2001	19F7541187	109870516443	9,12	Xuất sắc	100	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
272	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16F	Bàn Thị	Tiến	23/03/2001	19F7541252	102870516559	9,11	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
273	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16B	Phùng Thị Mai	Phương	31/10/2001	19F7541198	109870516403	9,10	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000

STT	Năm thứ	Ngành	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	Mã sinh viên	Số tài khoản	Điểm HT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	Loại HB	HBKKHT (1 tháng)	HBKKHT (5 tháng)
274	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16B	Nguyễn Thị Tố	Như	19/04/2001	19F7541174	106869560492	9,08	Xuất sắc	92	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
275	3	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K16E	Trương Thị Thúy	Trang	09/02/2001	19F7541277	102870516522	9,06	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
276	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15E	Trần Văn	Thái	02/09/2000	18F7541227	100868891241	9,09	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
277	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15B	Nguyễn Phạm Nhật	Linh	03/12/2000	18F7541122	102869262661	9,06	Xuất sắc	95	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
278	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15E	Lê Thị	Hậu	04/12/2000	18F7541059	104868891222	9,06	Xuất sắc	94	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
279	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15E	Trần Thị Minh	Thiết	28/02/1999	18F7541239	108868891243	8,98	Giỏi	89	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
280	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15D	Phan Thị	Nga	09/08/2000	18F7541160	103868891192	8,96	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
281	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15C	Dư Thị	Quỳnh	30/04/2000	18F7541213	105869262668	8,95	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
282	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15C	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	24/01/2000	18F7541141	108868891160	8,93	Giỏi	88	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
283	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15F	Trần Thị	Hoa	02/12/2000	18F7541078	104868891261	8,92	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
284	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15E	Trương Nguyễn Tùng	Lâm	28/10/2000	18F7541113	107868891229	8,89	Giỏi	96	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
285	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15F	Nguyễn Thị	Men	23/08/2000	18F7541144	108868891270	8,89	Giỏi	84	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
286	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15D	Hoàng Thị Kim	Chi	07/12/2000	18F7541022	101868188091	8,88	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
287	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15A	Phạm Thị Thúy	Hằng	03/02/2000	18F7541067	106868891080	8,87	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
288	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15B	Hồ Thanh	Thắng	22/01/2000	18F7541236	109867911912	8,87	Giỏi	90	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
289	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15C	Trương Hoàng	Long	16/02/2000	18F7541129	108868891158	8,87	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
290	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15C	Nguyễn Thị	Tâm	07/07/1999	18F7541225	104869262669	8,86	Giỏi	86	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
291	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15E	Đào Thị ánh	Phúc	15-11-2000	18F7541203	100868891238	8,86	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
292	4	Ngôn ngữ Trung Quốc	TRUNG K15B	Đỗ Ngọc	Hải	26/05/2000	18F7541056	103869262660	8,84	Giỏi	93	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
293	1	Quốc tế học	QTH K18A	Trần Thị Nguyên	Trúc	08/05/2003	21F7060029	107874776799	9,26	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
294	1	Quốc tế học	QTH K18B	Hồ Phan Ly	Sa	06/12/2003	21F7060068	107874751423	9,06	Xuất sắc	90	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
295	1	Quốc tế học	QTH K18A	Lê Bá An	Ngọc	19/04/2003	21F7060112	100874751035	8,79	Giỏi	90	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
296	1	Quốc tế học	QTH K18B	Lê Thanh	Tùng	04/02/2003	21F7060087	102874751430	8,69	Giỏi	84	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
297	2	Quốc tế học	QTH K17A	Ngô Xuân	Uyên	24/01/2002	20F7060180	105872782381	8,78	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
298	2	Quốc tế học	QTH K17A	Hoàng Ngọc Thảo	Nhi	23/02/2002	20F7060022	107872782377	8,68	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
299	2	Quốc tế học	QTH K17A	Nguyễn Lê Quỳnh	Hân	20/09/2002	20F7060006	104872523575	8,37	Giỏi	87	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
300	2	Quốc tế học	QTH K17B	Hoàng Nguyễn Như	Quỳnh	14/09/2002	20F7060025	102872212958	8,31	Giỏi	85	Tốt	B	1.225.000	6.125.000
301	3	Quốc tế học	QTH K16A	Hồ Hữu Yên	Minh	27/03/2001	19F7061019	101870516275	8,92	Giỏi	95	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
302	3	Quốc tế học	QTH K16B	Nguyễn Hồng	Vân	18/08/2001	19F7061068	102870516317	8,74	Giỏi	94	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
303	3	Quốc tế học	QTH K16B	Đỗ Trọng Nhật	Long	08/09/2001	19F7061016	101870516299	8,69	Giỏi	97	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
304	4	Quốc tế học	QTH K15	Võ Thị Yến	Nhi	12/03/1999	18F7061036	104869262741	8,86	Giỏi	99	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
305	4	Quốc tế học	QTH K15	Nguyễn Thị Như	Hồng	11/12/1999	18F7061014	109868891539	8,31	Giỏi	92	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
306	1	Việt Nam học	VNH K18	Lê Võ Thảo	Nguyên	21/08/2003	21F7050024	106874778517	8,34	Giỏi	91	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
307	2	Việt Nam học	VNH K17	Võ Hoàng Yến	Trinh	05/04/2002	20F7050090	101872690464	8,99	Giỏi	98	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
308	3	Việt Nam học	VNH K16	Trần Nữ Hồng	Nhung	30/01/2001	19F7051036	106870516625	9,04	Xuất sắc	91	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
309	3	Việt Nam học	VNH K16	Hoàng Thị Thu	Hà	04/03/2001	19F7051009	105870931564	8,98	Giỏi	93	Xuất sắc	B	1.225.000	6.125.000
310	4	Việt Nam học	VNH K15	Nguyễn Trần Tiến	Anh	02/08/1999	18F7051005	105868891558	9,72	Xuất sắc	96	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
311	4	Việt Nam học	VNH K15	Nguyễn Võ Bích	Thuỷ	29/10/2000	18F7051045	109868891579	9,55	Xuất sắc	93	Xuất sắc	A	1.470.000	7.350.000
Tổng															**2.162.125.000**